

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:45/2020/KDTM-ST

Ngày: 26/8/2020.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hoa

2. Ông Nguyễn Văn Soan

- Thư ký phiên tòa : Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2019/TLST-KDTM ngày 13 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2020/QĐXXST- KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2020/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V ; Trụ sở: Số T đường L, phường H, quận Đ, TP. Hà Nội; địa chỉ liên lạc: Tầng M số C đường T, Phường B, Quận N, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc L hoặc ông Đỗ Nguyễn Thành Tr- Là Chuyên viên xử lý nợ.(Giấy ủy quyền số 22409/2019/UQ – PGĐ ngày 08/7/2019); địa chỉ: Tầng M số C đường T, Phường B, Quận N, TP. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng nội thất R; địa chỉ: Số 1H đường số 1B, Phường F, quận G, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng Trường D (Vắng mặt);
địa chỉ: Số 2A đường P, Phường E, quận G, TP. Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đăng Trường D;

Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện PT, tỉnh B

Địa chỉ cư trú: Số 1H đường số 1B, Phường F, quận G, TP. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện; các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, người đại hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần V (Sau đây được viết tắt là Ngân hàng) có cho Công ty TNHH dựng nội thất R (Sau đây được viết tắt là Công ty R) vay vốn, cụ thể theo các Hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng cho vay từng lần số SME/QN2/17/0053/HĐTD ngày 03/8/2017 (Sau đây được viết tắt là Hợp đồng tín dụng), Công ty R ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần V – Chi nhánh Quận 2, với nội dung thỏa thuận, Công ty R vay của Ngân hàng số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất là 26,9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ cho Công ty R với tổng số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng, thể hiện tại khế ước nhận nợ lần 1/số SME/QN2/17/0053/HĐTD01 ngày 04/8/2017. Để bảo lãnh cho Công ty về khoản nợ vay, ông Nguyễn Đăng Trường D đã ký Hợp đồng bảo lãnh số SME/QN2/17/0053/HDBL ngày 03/8/2017. Ngoài ra Công ty R có ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 15/7/2017 (Sau đây được viết tắt là Hợp đồng thẻ) và đã được Ngân hàng phê duyệt ngày 05/8/2017, khoản dư nợ thẻ được ông Nguyễn Đăng Trường D bảo lãnh số SME/QN2/17/0063/HDBL-THE ngày 05/8/2017, theo nội dung Hợp đồng thẻ thì ông Nguyễn Đăng Trường D là người sử dụng thẻ chính, bà Nguyễn Thị Khánh D là người sử dụng thẻ phụ. Tuy nhiên bà D1 không sử dụng thẻ phụ do đó không phát sinh nợ từ thẻ phụ đã đăng ký. Hợp đồng vay từng lần số SME/QN2/17/0053/HĐTD ngày 03/8/2017 và Hợp đồng thẻ 15/7/2017 không có tài sản đảm bảo.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, Công ty R vi phạm nghĩa vụ thanh toán, chỉ trả được một phần khoản nợ vay và lãi, sau đó không trả nữa, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc yêu cầu thanh toán nợ nhưng Công ty R vẫn cố tình kéo dài thời gian và không thực hiện việc trả nợ. Do đó, Ngân hàng buộc phải khởi kiện yêu cầu Công ty R thanh toán khoản nợ vay và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thẻ, thể hiện tại nội dung đơn khởi kiện, tạm tính đến ngày 22/01/2019 là nợ gốc 150.200.000 đồng và nợ lãi là 44.169.383 đồng; nợ thẻ là 16.973.090 đồng. Trong thời gian Tòa án thụ lý

giải quyết, ông D là người đại diện theo pháp luật của Công ty R đã liên hệ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ gốc của Hợp đồng tín dụng là 200.000.000 đồng và một phần khoản nợ lãi, ông D đã thanh toán trước đó là 32.311.942 đồng. Đối với Hợp đồng thế, Công ty đã thanh toán toàn bộ khoản nợ thế phát sinh là 25.733.580 đồng. Nay, Ngân hàng yêu cầu Công ty R thanh toán toàn bộ khoản tiền nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số SME/QN2/17/0053/HĐTD ngày 03/8/2017 tạm tính đến ngày 26/8/2020 là 140.487.784 đồng, trong đó lãi trong hạn là 2.226.419 và lãi quá hạn là 138.261.366 đồng.

Về thời hạn thanh toán. Ông L yêu cầu Công ty R thanh toán toàn bộ khoản nợ làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 27/8/2020 Công ty R phải tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty R không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu ông Nguyễn Đặng Trường D phải có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng TMCP TV theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/QN2/17/0053/HDBL ngày 03/8/2017 mà ông D đã ký.

Nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện sau đây:

Đối với Hợp đồng thế: Ngày 18/8/2020 nguyên đơn đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung, trong thời gian Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ kiện Công ty R đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng thế với số tiền là 25.733.580 đồng. Do đó, nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ phát sinh theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 15/7/2017 và đã được Ngân hàng phê duyệt ngày 05/8/2017.

Đối với khoản lãi phạt do chậm thanh toán. Ông L xác định theo đơn khởi kiện khoản tính lãi quá hạn bao gồm cả khoản lãi phạt và được trình bày trong bản sao kê tính lãi trước đây, Ông L xin rút lại yêu cầu đối với khoản lãi phạt này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản và giấy triệu tập của Tòa cho bị đơn là Công ty R, ông Nguyễn Đặng Trường D là người đại diện pháp luật của Công ty và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa trong các buổi mời làm việc và vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai. Tòa án không nhận được các tài liệu chứng cứ do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 17/6/2020 và đã niêm yết cho bị đơn thông báo kết quả các phiên họp. Do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn Công ty R do ông Nguyễn Đăng Trường D là người đại diện theo pháp luật, đồng thời ông D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 và 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty R thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP TV theo Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số SME/QN2/17/0053/HĐTD ngày 03/8/2017. Công ty R phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty R không thanh toán số nợ trên thì ông Nguyễn Đăng Trường D chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Bị đơn chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP TV có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng nội thất R thanh

toán toàn bộ số dư nợ của Hợp đồng tín dụng số SME/QN2/17/0053/HĐTD ngày 03/8/2017 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/7/2017. Đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Công ty TNHH Xây dựng nội thất R có địa chỉ tại Số 1H đường số 1B, Phường F, quận G, TP. Hồ Chí Minh, theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

[1.2] Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt); Bị đơn – Công ty R do ông Nguyễn Đăng Trường D là người đại diện theo pháp luật, ông Duy cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền lãi còn nợ tạm tính đến ngày 26/8/2020 là 140.487.784 đồng và lãi suất phát sinh kể từ ngày 27/8/2020 theo Hợp đồng tín dụng SME/QN2/17/0053/HĐTD ngày 03/8/2017. Căn cứ lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn; Hợp đồng tín dụng SME/QN2/17/0053/HĐTD ngày 03/8/2017 Công ty R đã ký kết và theo khế ước nhận nợ lần 1/số SME/QN2/17/0053/HĐTD01 ngày 04/8/2017 của Công ty R thể hiện Công ty đã vay của Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất à 26,9%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả đối với tiền lãi chậm trả bằng bằng 150% trong hạn nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, Ngân hàng đã giải ngân cho khách hàng vào ngày 04/8/2017, ngày đến hạn là 03/8/2019.

Mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh hoàn thiện công trình xây dựng, thi công trang trí nội thất. Hình thức cho vay vốn không có tài sản đảm bảo. Từ những tài liệu, chứng cứ trên thể hiện việc giao kết Hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, hình thức, nội dung thỏa thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng về khoản nợ vay, về mức lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và thỏa thuận lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của

các bên. Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, thể hiện quá trình thực hiện Hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền 200.000.000 đồng, Công ty R đã nhận đủ số tiền thể hiện tại khế ước nhận nợ ngày 04/8/2017. Ông Nguyễn Đăng Trường D bảo lãnh cho Công ty về nghĩa vụ đối với Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng trên, ông D đã ký Hợp đồng bảo lãnh số SME/QN2/17/0053/HDBL ngày 03/8/2017. Sau khi vay vốn cho đến thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện, Công ty R đã thanh toán được toàn bộ số nợ gốc là 200.000.000 đồng và một phần tiền lãi là 32.311.942 đồng. Công ty R còn nợ Ngân hàng khoản tiền lãi tạm tính đến ngày 26/8/2020 là 140.487.784 đồng, trong đó, lãi trong hạn là 2.226.419 đồng và lãi quá hạn là 138.261.366 đồng. Công ty R không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng mà các bên thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty R thanh toán khoản nợ tiền lãi là 140.487.784 đồng phát sinh theo Hợp đồng tín dụng là phù hợp với nội dung giao dịch mà các bên thỏa thuận nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Đăng Trường D phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, thanh toán toàn bộ khoản nợ thay cho Công ty R theo các Hợp đồng bảo lãnh mà ông D đã ký trong trường hợp Công ty không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ trên.

Ông Nguyễn Đăng Trường D có ký kết Hợp đồng bảo lãnh số SME/QN2/17/0053/HDBL ngày 03/8/2017 với nội dung thỏa thuận, ông D bảo lãnh cho Công ty R trong việc thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số SME/QN2/17/0053/HĐTD ngày 03/8/2017. Hợp đồng bảo lãnh có nội dung phù hợp với quy định tại các điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

Tuy nhiên, Hợp đồng bảo lãnh trên có nội dung thể hiện bên bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số SME/QN2/17/0053/HĐTD ngày 03/8/2017. Đại diện của Ngân hàng xác nhận các Hợp đồng vay trên không có tài sản đảm bảo nên không ký Hợp đồng thế chấp và không có đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật, đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ bảo lãnh của ông D trả nợ cho Ngân hàng trong trường hợp Công ty R vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề về tài sản trong các Hợp đồng bảo lãnh nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về thời hạn và phương thức thanh toán: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty R thanh toán toàn bộ khoản nợ lãi làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét, Công ty R đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã gây thiệt hại cho Ngân hàng. Do đó, để đảm

bảo cho quyền lợi của Ngân hàng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP TV buộc Công ty TNHH Xây dựng nội thất R thanh toán toàn bộ khoản nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 26/8/2020 là 140.487.784 đồng, trong đó lãi trong hạn là 2.226.419 đồng và lãi quá hạn là 138.261.366 đồng phát sinh theo Hợp đồng tín dụng SME/QN2/17/0053/HĐTD ngày 03/8/2017 Công ty R đã ký kết và theo khế ước nhận nợ lần 1/số SME/QN2/17/0053/HĐTD01 ngày 04/8/2017. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 27/8/2020 Công ty TNHH Xây dựng nội thất R phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty R không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ông Nguyễn Đặng Trường D có nghĩa vụ trả số nợ trên cho Ngân hàng TMCP TV theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/QN2/17/0053/HDBL ngày 03/8/2017 đã ký giữa các bên.

[4] Xét Hợp đồng thẻ: Nguyên đơn có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ vay của Công ty R phát sinh theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 15/7/2017 và đã được Ngân hàng phê duyệt ngày 05/8/2017, do Công ty R đã thanh toán cho Ngân hàng xong khoản nợ vay là 25.733.580 đồng, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện về khoản vay phát sinh từ Hợp đồng thẻ trên.

[5] Đối với khoản lãi phạt do chậm thanh toán. Ông L đại diện cho Ngân hàng xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản lãi phạt yêu cầu bị đơn thanh toán, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện về khoản lãi phạt do chậm thanh toán này.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 7.024.389 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.283.562 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0000667 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 342, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

1. Buộc Công ty TNHH Xây dựng nội thất R có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 26/8/2020 là 140.487.784 đ (Một trăm bốn mươi triệu bốn tám mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi bốn đồng), trong đó lãi trong hạn là 2.226.419 đồng và lãi quá hạn là 138.261.366 đồng phát sinh theo Hợp đồng tín dụng SME/QN2/17/0053/HĐTD ngày 03/8/2017 Công ty R đã ký kết và theo khế ước nhận nợ lần 1/số SME/QN2/17/0053/HĐTD01 ngày 04/8/2017. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 27/8/2020 Công ty TNHH Xây dựng nội thất R phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty TNHH Xây dựng nội thất R không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ông Nguyễn Đăng Trường D có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần V, theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/QN2/17/0053/HDBL ngày 03/8/2017 đã ký giữa các bên.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ vay sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, phát

sinh theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 15/7/2017 và đã được Ngân hàng phê duyệt ngày 05/8/2017.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về khoản lãi phạt do chậm thanh toán.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Xây dựng nội thất R phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 7.024.389 đ (Bảy triệu không trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi chín đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.283.562 đ (Năm triệu hai trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0000667 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thành Huế